

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

I. Đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2021

Năm 2021, nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Công ty đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu lại lĩnh vực cốt lõi của Công ty do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) không còn nắm quyền chi phối Công ty kể từ tháng 3/2021. Cùng với đó là sự thay đổi trong bộ máy lãnh đạo Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành. Trước những khó khăn và biến động trên, Hội đồng quản trị tích cực đôn đốc, chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành tìm kiếm công việc, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021. Với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo Công ty và CBNV, Công ty đã cơ bản hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hướng dẫn hiện hành để thực thi các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Tại kỳ họp ngày 27/4/2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Nguyễn Tiến Hải và ông Lê Ngọc Sơn; bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trần Văn Long và ông Vũ Đình Đông.

Ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thông qua việc thay đổi chức danh trong Hội đồng quản trị như sau:

+ Ông Vũ Đức Tiến giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty thay ông Phạm Văn Hiệp.

+ Ông Phạm Văn Hiệp giữ chức Tổng Giám đốc kiêm ủy viên HĐQT Công ty thay ông Lê Ngọc Sơn.

Hội đồng quản trị Công ty hiện tại gồm 05 thành viên:

- Ông Vũ Đức Tiến Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Văn Hiệp Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Minh Tuấn Ủy viên HĐQT
- Ông Vũ Đình Đông Ủy viên HĐQT độc lập
- Ông Trần Văn Long Ủy viên HĐQT

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Công tác sản xuất kinh doanh.

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2021	
			Giá trị	% so với KH
1	Tổng Doanh thu	1.005,22	935,71	93%
	<i>Trong đó Công ty mẹ</i>	<i>490,22</i>	<i>523,58</i>	<i>107%</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	50,40	54,19	108%
	<i>Trong đó Công ty mẹ</i>	<i>50,67</i>	<i>51,74</i>	<i>102%</i>
3	Lợi nhuận sau thuế	50,04	54,09	108%
	<i>Trong đó Công ty mẹ</i>	<i>50,67</i>	<i>51,74</i>	<i>102%</i>

(Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021)

2.2. Về công tác tổ chức bộ máy và tái cấu trúc Công ty.

- Tổ chức bộ máy: tháng 3/2021, Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP không còn nắm quyền chi phối Công ty do đã thoái toàn bộ phần vốn tại Công ty. Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Công ty đã có sự thay đổi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ban Tổng giám đốc.

- Hệ thống Quy chế, quy định nội bộ: Sau khi có sự thay đổi về cổ đông nắm quyền chi phối, Công ty đã rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định phù hợp với mô hình kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

- Tái cấu trúc:

+ Thực hiện giải thể Công ty TNHH Máy-Thiết bị Dầu khí Sài Gòn, Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế.

+ Các khoản vốn góp khác chưa thực hiện được: hầu hết có lịch sử đầu tư góp vốn từ thời kỳ còn là doanh nghiệp nhà nước, hoạt động kinh doanh yếu kém, lỗ; đều chưa đăng ký giao dịch/nhiệm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch, nên việc thoái vốn gặp rất nhiều khó khăn. Công ty tiếp tục giám sát hoạt động của đơn vị, cập nhật các quy định pháp luật, hướng dẫn mới về thoái vốn phù hợp với điều kiện các đơn vị này để thực hiện đảm bảo khả thi và không lỗ.

2.3. Về công tác tài chính và thu hồi công nợ.

- Ban thu hồi công nợ đã tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp thu hồi và tuyệt đối không để phát sinh công nợ quá hạn mới. Trong năm 2021 hoàn thành bán đấu giá 01 tài sản thu hồi công nợ, đang theo dõi bám sát diễn biến thị trường bất động sản để bán đấu giá tài sản khác vào thời điểm thích hợp.

- Hoàn thành kế hoạch thu xếp vốn tín dụng và chủ động xây dựng, bố trí các phương án huy động vốn dự phòng đáp ứng hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty.

2.4. Công tác quản lý cơ sở vật chất, hợp tác đầu tư.

- Quản lý khai thác nhà, đất tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội: Công ty đang cải tạo, quy hoạch lại cảnh quan kiến trúc tổng thể tại số 8 Tràng Thi, Hà Nội hài hòa với kiến trúc khu vực nội đô đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Dự án tại Khu đất 2,36 ha Đông Anh, Hà Nội: hợp tác với đối tác để phát triển dự án tại khu đất này theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Công ty đã bán đấu giá khu đất 137,4m² tại phường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội và sẽ bán đấu giá khu đất có diện tích 92,4 m² tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

- Dự án HH3 Nam An Khánh: Công ty chỉ có 10% quyền tham gia dự án HH3 Nam An Khánh nên phụ thuộc vào chủ đầu tư/thành viên có phần vốn góp chi phối của dự án.

- Về dự án bất động sản: Công ty đang nghiên cứu triển khai một số dự án khu dân cư tại tỉnh Thái Bình, Khánh Hoà.

- Về dự án liên quan đến xử lý môi trường, nước sinh hoạt: ngày 10/3/2022, Công ty đã ký hợp tác với đối tác để phát triển Dự án đầu tư xây dựng hệ thống nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt và hệ thống xử lý cung cấp nước sạch.

2.5. Công tác chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

- Hội đồng quản trị hoạt động đúng chức trách, nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty để thực hiện các công việc được ĐHĐCĐ giao trên tinh thần trách nhiệm, trung thực và dân chủ; đảm bảo tính minh bạch, quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp Hội đồng Quản trị; xin ý kiến Hội đồng quản

trị bằng văn bản 34 nội dung; ban hành tổng số 69 Nghị quyết, Quyết định để triển khai thực hiện (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

- HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty, do vậy việc tổ chức triển khai nhiệm vụ của Tổng giám đốc/Ban điều hành được thực hiện nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tuân thủ pháp luật và theo đúng các quy định hiện hành.

- Chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời xem xét các ý kiến đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát để tăng cường hiệu quả công tác quản lý doanh nghiệp.

- Giám sát hoạt động tài chính, kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp, quản trị rủi ro,...

- Chỉ đạo và giám sát thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên và các văn bản thuộc thẩm quyền.

- Chỉ đạo, quản lý Người đại diện phần vốn tại các đơn vị có đầu tư góp vốn qua các báo cáo quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản lý vốn, Quy chế quản lý tài chính và các quy chế quản lý khác đã ban hành. Tổ chức, giám sát kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021:

- + Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chuyên trách chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 1.307.950.365 đồng.

- + Thù lao Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 124.000.000 đồng

2.6. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị. Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Ngày 30/3/2021, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 0049/NQ/MTB-HĐQT chấp thuận Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) là đơn vị tư vấn dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

(Ông Vũ Đức Tiến là Chủ tịch Hội đồng quản trị của PVMACHINO, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của SHS).

2.7. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị

Bên cạnh trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tại Quyết định số 0163/QĐ/MTB-HĐQT ngày 05/11/2021. Trong năm 2021, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Ông Vũ Đức Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Đức Tiến đã chủ trì các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty.

- Ông Phạm Văn Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Phạm Văn Hiệp đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT nhanh chóng kịp thời; sát sao trong quản lý điều hành; đưa ra những biện pháp, giải quyết công việc kịp thời, hiệu quả; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.

- Ông Nguyễn Minh Tuấn - Ủy viên chuyên trách Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Minh Tuấn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; tham mưu kịp thời lĩnh vực phân công phụ trách, công tác quản trị Công ty; đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng định hướng chiến lược phát triển Công ty.

- Ông Trần Văn Long – Ủy viên Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Trần Văn Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, hỗ trợ Công ty nghiên cứu cơ hội hợp tác đầu tư trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản,...

- Ông Vũ Đình Đông - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Đình Đông đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp hỗ trợ Công ty nghiên cứu, lập cơ sở dữ liệu, đánh giá và dự báo thị trường, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh và đại lý phân phối thiết bị điện, quạt điện cơ...

III. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

Năm 2022, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch Doanh thu 1.200 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 60 tỷ đồng. Để hoàn thành kế hoạch trên, Hội đồng quản trị có phương hướng nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, rà soát và kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty;

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, cung cấp vật tư, thiết bị cho các dự án, công trình trong và ngoài ngành Dầu khí, các dự án của Tập đoàn T&T và các đơn vị khác.

- Xây dựng hệ thống đại lý phân phối sản phẩm cho các hãng có uy tín trong lĩnh vực vật tư, thiết bị, đặc biệt là vật tư, thiết bị ngành điện như Siemens, Điện cơ Thống Nhất...tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam (FDI).

- Tăng cường, mở rộng hợp tác đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, đất công nghiệp, dịch vụ cảng biển, các dự án nhà máy xử lý rác thải và nước sinh hoạt, dự án điện gió và năng lượng tái tạo... nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty;

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát toàn Công ty trên cơ sở kế hoạch, tiến độ thực hiện theo từng tháng/quý/năm và nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty thông qua.

- Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản trị, nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ nhân viên Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu công việc ngày một cao hơn., có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;

- Sớm thực hiện niêm yết cổ phiếu PVMACHINO trên Sở giao dịch chứng khoán khi đáp ứng đủ điều kiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH ✓




Vũ Đức Tiến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

STT	Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung chính
1	0007/NQ/MTB-HĐQT	15/01/2021	Gia hạn hợp đồng thuê văn phòng tại toà nhà CEO, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, HN
2	0009/NQ/MTB-HĐQT	21/01/2021	Chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên Công ty
3	0011/NQ/MTB-HĐQT	28/01/2021	Kết quả SXKD năm 2020
			Kết quả thu hồi công nợ đến ngày 31/12/2020
			Công nợ phải trả
			Phương án tái cấu trúc Công ty TNHH MTV Máy-TBĐK Sài Gòn
			Niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE trong năm 2021
			Công tác ĐHĐCĐ năm 2021
4	0012/NQ/MTB-HĐQT	28/01/2021	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 toàn Công ty
5	0013/NQ/MTB-HĐQT	28/01/2021	Tạm điều chỉnh kế hoạch lao động, tiền lương 2020
6	0014/NQ/MTB-HĐQT	28/01/2021	Tạm thời miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty
7	0015/QĐ/MTB-HĐQT	28/01/2021	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty
8	0021/NQ/MTB-HĐQT	08/02/2021	Phạm vi công việc, thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định phương án cải tạo nhà B và chuyển văn phòng về số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
9	0026/NQ/MTB-HĐQT	24/02/2021	Phê duyệt hoàn nhập, trích lập bổ sung dự phòng
10	0030/NQ/MTB-HĐQT	01/3/2021	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty
11	0037/NQ/MTB-HĐQT	09/3/2021	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo, sửa chữa nhà B tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, HN

STT	Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung chính
12	0038/NQ/MTB-HĐQT	09/3/2021	Thông qua các nội dung để người đại diện phần vốn biểu quyết tại cuộc họp HĐQT năm 2021 của Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki
13	0040/NQ/MTB-HĐQT	11/3/2021	Thông qua nội dung báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty
14	0044/NQ/MTB-HĐQT	22/3/2021	Quyết toán tiền lương năm 2020 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021
15	0048/NQ/MTB-HĐQT	30/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh Quý I/2021 - Công tác thu hồi công nợ - Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh Quý II/2021 - Công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2021
16	0049/NQ/MTB-HĐQT	30/3/2021	Lựa chọn đơn vị tư vấn dịch vụ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
17	0055/NQ/MTB-HĐQT	05/4/2021	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
18	0056/QĐ/MTB-HĐQT	05/4/2021	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
19	0068/NQ/MTB-HĐQT	08/4/2021	Thông qua các nội dung để biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty CP Máy – TBKD Đà Nẵng
20	0069/NQ/MTB-HĐQT	08/4/2021	Ông Phan Xuân Thắng thôi giữ chức Phó giám đốc PVMACHINO
21	0070/QĐ/MTB-HĐQT	08/4/2021	Ông Phan Xuân Thắng thôi giữ chức Phó giám đốc PVMACHINO
22	0073/NQ/MTB-HĐQT	14/4/2021	Công tác cán bộ tại Công ty CP Máy – TBKD Đà Nẵng
23	0074/QĐ/MTB-HĐQT	14/4/2021	Ông Trần Hữu Thành thôi đại diện phần vốn tại Công ty CP Máy – TBKD Đà Nẵng
24	0075/QĐ/MTB-HĐQT	14/4/2021	Ông Nguyễn Thơi đại diện phần vốn tại Công ty CP Máy – TBKD Đà Nẵng
25	0080/NQ/MTB-HĐQT	22/4/2021	Bổ sung nội dung tài liệu trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

STT	Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung chính
26	0084/NQ/MTB-HĐQT	27/4/2021	Thông qua các nội dung về công tác cán bộ
27	0085/QĐ/MTB-HĐQT	27/4/2021	Ông Phạm Văn Hiệp thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty PVMACHINO
28	0086/QĐ/MTB-HĐQT	27/4/2021	Ông Vũ Đức Tiến giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty PVMACHINO
29	0087/QĐ/MTB-HĐQT	27/4/2021	Ông Lê Ngọc Sơn thôi giữ chức Giám đốc Công ty PVMACHINO
30	0088/QĐ/MTB-HĐQT	27/4/2021	Ông Phạm Văn Hiệp giữ chức Tổng Giám đốc Công ty PVMACHINO
31	0096/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Thay đổi chức danh ông Lê Ngọc Dũng – Phó giám đốc thành Phó Tổng giám đốc Công ty PVMACHINO
32	0097/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Thay đổi chức danh ông Trương Văn Thục – Phó giám đốc thành Phó Tổng giám đốc Công ty PVMACHINO
33	0098/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Thay đổi chức danh ông Phan Trung Nghĩa – Phó giám đốc thành Phó Tổng giám đốc Công ty PVMACHINO
34	0099/NQ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
35	0100/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Thôi đại diện phần vốn của PVMACHINO tại Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
36	0101/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Giao quản lý phần vốn của PVMACHINO tại Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
37	0103/NQ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Công tác cán bộ tại Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki
38	0104/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Thôi đại diện quản lý phần vốn của PVMACHINO tại Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki
39	0105/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2021	Giao quản lý phần vốn của PVMACHINO tại Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki

STT	Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung chính
40	0111/NQ/MTB-HĐQT	19/5/2021	Phương án tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng.
41	0112/NQ/MTB-HĐQT	19/5/2021	Ông Trương Văn Thục thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty PVMACHINO
42	0113/QĐ/MTB-HĐQT	19/5/2021	Ông Trương Văn Thục thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty PVMACHINO
43	0116/NQ/MTB-HĐQT	31/5/2021	Thông qua các nội dung đề biểu quyết tại cuộc họp HĐQT thường niên 2021 Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội
44	0120/NQ/MTB-HĐQT	18/6/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
45	0126/QĐ/MTB-HĐQT	25/6/2021	Phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình cải tạo, sửa chữa nhà B tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, HN
46	0128/QĐ/MTB-HĐQT	28/6/2021	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo, sửa chữa nhà B tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, HN
47	0131/NQ/MTB-HĐQT	28/6/2021	Điều chỉnh lợi nhuận kinh doanh nhượng quyền và đổi thương hiệu nhượng quyền kinh doanh tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
48	0133/QĐ/MTB-HĐQT	28/6/2021	Thành lập hội đồng thanh lý tài sản
49	0143/NQ/MTB-HĐQT	17/9/2021	Phương án chi trả cổ tức năm 2020
50	0150/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng
51	0151/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng
52	0152/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm
53	0153/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh Thành Công

STT	Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung chính
54	0154/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Đông Đô
55	0155/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng
56	0156/NQ/MTB-HĐQT	25/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đông Đô
57	0157/NQ/MTB-HĐQT	27/10/2021	Nghị quyết về công tác cán bộ
58	0160/NQ/MTB-HĐQT	05/11/2021	Thông qua các nội dung:
			<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả SXKD Quý III và 9 tháng đầu năm 2021. - Kế hoạch Quý IV/2021. - Tình hình, kết quả thu hồi công nợ đến 30/9/2021. - Kiện toàn Ban thu hồi công nợ. - Thông qua dừng triển khai đầu tư XD nhà tại phường Khương Đình, Thanh Xuân, HN. - Công tác tái cấu trúc. - Tiếp tục rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ Công ty. - Bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Hà - Định hướng phát triển Công ty - Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
59	0161/NQ/MTB-HĐQT	05/11/2021	Chủ trương hợp tác đầu tư tại khu đất Đông Anh, Hà Nội
60	0162/QĐ/MTB-HĐQT	05/11/2021	Kiện toàn Ban thu hồi công nợ
61	0163/QĐ/MTB-HĐQT	05/11/2021	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
62	0164/QĐ/MTB-HĐQT	08/11/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Hồng Hà
63	0170/NQ/MTB-HĐQT	30/11/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Chu Thành Nam
64	0171/QĐ/MTB-HĐQT	01/12/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Chu Thành Nam
65	0173/NQ/MTB-HĐQT	01/12/2021	Nghị quyết công tác cán bộ

STT	Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung chính
66	0177/NQ/MTB-HĐQT	14/12/2021	Chuyển đổi phương thức kinh doanh tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, HN
67	0182/NQ/MTB-HĐQT	30/12/2021	Bán thanh lý tài sản
68	0183/QĐ/MTB-HĐQT	30/12/2021	Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản
69	0185/NQ/MTB-HĐQT	30/12/2021	Tham gia liên danh đấu thầu chủ đầu tư dự án

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2021;

Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu Khí (BKS) xin báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 về kết quả thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của BKS Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN

1. Nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu ra Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 3 thành viên (3 thành viên kiêm nhiệm), tại phiên họp thứ nhất của BKS ngày 27/04/2021 đã bỏ phiếu bầu và phân công trách nhiệm cho các thành viên, cụ thể:

Bà Lê Thị Kiều Vân	- Trưởng Ban kiêm nhiệm
Bà Hà Thị Thanh Hậu	- Kiểm soát viên kiêm nhiệm
Bà Phạm Thị Hải An	- Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Trong năm 2021, trên cơ sở kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, BKS Công ty đã tập trung triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, ngoài việc giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty, các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT), tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, quy chế của Công ty.

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện những nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Giám sát việc thực hiện kế hoạch quý, năm của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của Công ty.

- Phối hợp cùng đơn vị kiểm toán thẩm định Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm của toàn Công ty.

- Giám sát việc huy động, sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí. Giám sát công tác quản lý và thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản công nợ phải thu quá hạn. Giám sát công tác chi trả cổ tức.

- Và các nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2021, BKS đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và đột xuất để kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, bao gồm hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý, người đại diện của Công ty tại các đơn vị có vốn góp. Các nội dung chủ yếu được thông qua:

- Bầu Trưởng BKS và thông qua việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

- Kết quả thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2021, các Quý, báo cáo bán niên và báo cáo năm 2021 của Công ty đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Việt Nam (AASC).

- Thống nhất nội dung và kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, người đại diện phân vốn góp của Công ty

- Thống nhất thông qua Báo cáo giám sát hàng quý của BKS gửi HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty; thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và kế hoạch hoạt động của BKS năm

2022.

- Kết quả giám sát các khoản công nợ phải thu quá hạn.

Các cuộc họp của BKS diễn ra dân chủ, các Biên bản cuộc họp được ghi chép chi tiết, rõ ràng và lưu trữ đầy đủ.

3. Thù lao của Ban Kiểm soát.

Thù lao của BKS được chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã được ĐH thông qua.

- Thành viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Về chi phí hoạt động của BKS năm 2021: Tuân thủ theo Quy định về quản lý chi tiêu, mua sắm nội bộ của VP Công ty.

4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát PVMACHINO đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, các kiểm soát viên chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật, đảm bảo tuân thủ đúng theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

BKS đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.

Ban kiểm soát PVMACHINO đã họp, xem xét tự đánh giá hoàn thành công việc của các kiểm soát viên như sau:

Bà Lê Thị Kiều Vân – Trưởng Ban Kiểm soát kiêm nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ theo các công việc được giao: Phụ trách chung công tác tổ chức, điều phối hoạt động của ban kiểm soát, tương tác giữa HĐQT, Ban điều hành, cổ đông và BKS.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phân chia cổ tức và trích lập các quỹ hàng năm; kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh của các đơn vị thành viên và văn phòng công ty, kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế, xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của công ty ban hành, xem xét việc ban hành, việc thực hiện các nghị quyết, quyết định ban hành nội bộ trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, lập các báo cáo của BKS, báo cáo lại công tác thực hiện cho Hội đồng quản trị, tiếp nhận yêu cầu của cổ đông, chịu trách nhiệm tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của BKS, tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, báo cáo trước đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của BKS tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Bà Hà Thị Thanh Hậu – Kiểm soát viên kiêm nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ phân công cụ thể là: Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành, kịp thời phát hiện, thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty với Trường BKS; xem xét kiểm tra các báo cáo tài chính quý, năm của Công ty và các đơn vị thành viên, giám sát hoạt động tài chính, kế toán của công ty bao gồm kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ kế toán, xem xét nghiệp vụ hạch toán và sổ sách kế toán cũng như các tài liệu khác; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh; tham gia các cuộc kiểm tra của Ban kiểm soát đối với các đơn vị trực thuộc/thành viên; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trường ban kiểm soát phân công.

Bà Phạm Thị Hải An – Kiểm soát viên kiêm nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được phân công cụ thể là: Kiểm soát việc tuân thủ các quy chế của người đại diện phần vốn tại Công ty và các quy trình nội bộ của Công ty đối với Tổng Công ty; Xem xét các vấn đề liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty; Phối hợp kiểm soát các chính sách liên quan đến công tác tài chính kế toán; tham gia các cuộc kiểm tra kiểm soát của Ban kiểm soát; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trường Ban kiểm soát phân công.

Ngoài các nhiệm vụ cụ thể được giao, các thành viên Ban Kiểm soát duy trì chế độ họp thường kỳ, thường xuyên tập hợp các báo cáo cho Trường Ban Kiểm soát để thống nhất ý kiến nhằm thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát theo các nhiệm vụ đã được quy định trong Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ của Công Ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy định hiện hành.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021.

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Năm 2021, Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh có nhiều yếu tố ảnh hưởng cả khách quan và chủ quan như tình hình dịch bệnh Covid19, có sự thay đổi lớn về cơ cấu sở hữu. Tuy nhiên Công ty đã vượt qua và hoàn thành được chỉ tiêu lợi nhuận và chi trả cổ tức mặc dù tổng doanh thu sụt giảm đáng kể. Cụ thể như sau:

1.1. Các chỉ tiêu thực hiện hoạt động SXKD năm 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh	
				Giá trị	%
1	Tổng doanh thu	1.005,22	935,71	- 69,51	93%

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh	
				Giá trị	%
	<i>Riêng công ty Mẹ</i>	490,22	523,58	33,36	107%
2	Lợi nhuận trước thuế	50,40	54,19	3,79	108%
	<i>Riêng công ty Mẹ</i>	50,67	51,74	1,07	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	50,04	54,09	4,05	108%
	<i>Riêng công ty Mẹ</i>	50,67	51,74	1,07	102%

Số liệu Tổng doanh thu và tổng lợi nhuận đã bao gồm các khoản giảm trừ theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, BKS có nhận xét như sau: Năm 2021, Công ty mẹ đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đã có sự tăng trưởng lớn, cụ thể:

- Trong năm 2021, Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh Công ty Mẹ đạt 523.58 tỷ đồng đạt 107% kế hoạch, trong đó doanh thu bán hàng và dịch vụ là 428.88 tỷ đồng (doanh thu từ cung cấp thiết bị dự án và hoạt động thương mại là 411.58 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động dịch vụ là 17.3 tỷ đồng, hoạt động xây lắp là 16.59 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế cả năm Công ty Mẹ đạt 51,74 tỷ đồng giảm tăng trưởng 8.3 % so với năm 2020 (56.47 tỷ đồng), đạt 102% kế hoạch; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ đạt 13.39 %, tăng 0.29% so với kế hoạch.
- Hợp nhất số liệu cả năm bao gồm Công ty CP Máy – Thiết bị dầu khí Đà Nẵng và Công ty TNHH Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn: tổng doanh thu đạt 935.71 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 54.09 tỷ đồng.

1.2. Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và biến động tài sản năm 2021.

1.2.1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí do Ban điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC; Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 của Công ty được phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021. Các báo

cáo của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam. Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định.

Trên cơ sở đó Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 do Ban Tổng Giám đốc báo cáo, số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ		Hợp nhất		Tăng giảm	
	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2020	Công ty mẹ (2021/2020)	Hợp nhất (2021/2020)
I. Tổng tài sản	737.137	633.824	814.752	706.832	116%	115%
Trong đó						
1. Tài sản ngắn hạn.	432.187	333.212	504.553	411.886	130%	122%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	61.633	55.517	65.377	65.341	111%	100%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	131.250	198.000	131.250	198.000	66%	66%
- Các khoản phải thu	220.518	58.146	240.391	75.052	379%	320%
- Hàng tồn kho	16.210	17.870	62.912	66.950	91%	94%
- TS ngắn hạn khác	2.575	2.677	4.621	6.542	96%	71%
2. Tài sản dài hạn	304.950	300.612	310.199	294.946	101%	105%
- Các khoản phải thu	11.877	2.268	12.337	2.764	524%	446%
- Tài sản cố định	16.130	16.619	54.419	55.369	97%	98%
- Bất động sản đầu tư						
- Tài sản dở dang dài hạn						
- Các khoản đầu tư TC dài hạn	234.483	234.507	184.853	184.879	100%	100%
- TS dài hạn khác	41.558	47.217	43.827	51.783	88%	85%
II. Tổng nguồn vốn	737.137	633.824	814.752	706.832	116%	115%
Trong đó						
1. Nợ phải trả	237.272	140.591	315.044	215.118	169%	146%
- Nợ ngắn hạn	237.272	140.591	299.617	206.714	169%	145%
- Nợ dài hạn						184%

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ		Hợp nhất		Tăng giảm	
	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2020	Công ty mẹ (2021/2020)	Hợp nhất (2021/2020)
			15.427	8.403		
2. Vốn chủ sở hữu	499.865	493.233	499.708	491.714	101%	102%
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386	386.386	386.386	386.386	100%	100%
- Quỹ đầu tư phát triển	18.763	18.763	18.920	18.920	100%	100%
- Lợi nhuận chưa phân phối	94.716	88.084	69.514	60.812	108%	114%
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát			24.886	25.595		97%

- Tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2021 hợp nhất toàn Công ty là 814.75 tỷ đồng (Công ty mẹ: 737.13 tỷ đồng) đều tăng so với năm 2020, cụ thể: Tổng tài sản hợp nhất tăng 107.92 tỷ đồng tương ứng 15.26%, Tổng tài sản Công ty mẹ tăng 103.31 tỷ đồng tương ứng 16.3% so với năm 2020, nguyên nhân do:

- Tăng khoản công nợ phải thu do kỳ thanh toán vào tháng sau kỳ báo cáo.
- Khoản mục Tài sản dài hạn hợp nhất toàn Công ty tăng là do khoản phải thu dài hạn khác tăng.

Vốn chủ sở hữu của toàn Công ty đến 31/12/2021 là 499.7 tỷ đồng, tăng 1.6% so với đầu năm (VCSH Công ty mẹ 499.85 tỷ đồng tăng 1.34% so với đầu năm) việc tăng vốn chủ sở hữu là do trong năm bên cạnh việc tăng lợi nhuận thì Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

- Các khoản phải thu ngắn hạn (chưa tính giảm trừ dự phòng phải thu) theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại 31/12/2021 là 403.62 tỷ đồng, tăng 114.2 tỷ đồng với năm trước (Công ty Mẹ: phải thu ngắn hạn là 388.43 tỷ đồng, tăng 127,27 tỷ đồng). Trong đó công nợ quá hạn là 163.22 tỷ đồng giảm 51.28 tỷ đồng (Công ty mẹ: công nợ quá hạn là 167.93 tỷ đồng).

- Tổng số dự phòng các khoản phải thu đã được trích lập là 163.2 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ trích lập 167.92 tỷ đồng). Trong năm 2020 Công ty thực hiện hoàn nhập 5,15 tỷ đồng.

- Đến 31/12/2021 dư vay ngắn hạn toàn Công ty là 135.75 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ vay ngắn hạn là 81,7 tỷ đồng.

- Công nợ phải trả toàn Công ty: 315.04 tỷ đồng (trong đó Công nợ phải

trả Công ty mẹ 237.27 tỷ đồng).

Các chỉ tiêu liên quan đến các chỉ số tài chính tại Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Ghi chú
	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất	
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn					
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,37	1,99	1,82	1,68	
+ Hệ số thanh toán nhanh					
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,24	1,67	1,75	1,47	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,22	0,30	0,32	0,39	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,44	0,47	0,63	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>					
+ Vòng quay hàng tồn kho					
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	10,51	8,13	25,45	12,39	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,33	0,89	0,60	1,03	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,27	0,08	0,12	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/	0,11	0,10	0,10	0,11	

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Ghi chú
	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất	
Vốn chủ sở hữu					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,07	0,07	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,27	0,053	0,10	0,04	

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 1.47 lần (công ty mẹ 1.75 lần)
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: 1.68 lần (công ty mẹ 1.82 lần)

Các chỉ số tài chính năm 2021 của Công ty mẹ cho thấy tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

• Đối với Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty (HĐQT) nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 5 thành viên được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 bổ nhiệm. HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2021. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc, tổ chức nhân sự, bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương...theo đúng quy định và điều lệ của PVMACHINO, quy định của pháp luật. HĐQT tổ chức họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

• Đối với Ban điều hành

Tháng 4 năm 2021, HĐQT đã bổ nhiệm Ông Phạm Văn Hiệp làm Tổng giám đốc Công ty thay Ông Lê Ngọc Sơn. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các đồng chí phụ trách theo từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao

ban định kỳ hàng tháng để triển khai Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty, rà soát đánh giá kết quả của từng nội dung các công việc để chỉ đạo các phòng, bộ phận thực hiện triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời để đạt được kết quả tốt nhất, đảm bảo tuân thủ điều lệ của Công ty và chấp hành nghiêm chỉnh luật Doanh nghiệp.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGD và cổ đông

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Ban điều hành, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; BKS phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trên nguyên tắc vì lợi ích tối đa của Công ty và các cổ đông thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty tiếp tục thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật của Nhà nước, tổ chức họp định kỳ để rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp để hoạt động của BKS có hiệu quả; tập trung vào các công việc cụ thể sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát năm 2022. Họp định kỳ để kịp thời đề xuất các biện pháp hoạt động Ban kiểm soát có hiệu quả.
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát sản xuất kinh doanh năm 2022. Làm việc với Người đại diện phần vốn của PVM tại các đơn vị và Ban kiểm soát của các đơn vị về tình hình thực hiện công tác quản lý giám sát kiểm tra tại các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy định văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng đối với toàn bộ hoạt động tại Công ty: công tác tổ chức, công tác tài chính kế toán, công tác đầu tư, công tác kinh doanh,...
- Giám sát tình hình thực hiện các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty để phù hợp với công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, đề xuất sửa đổi (nếu có)
- Kiểm tra đơn đốc việc lập báo cáo kế toán, thẩm định các báo cáo kết quả kinh doanh, BCTC quý, năm. Phân tích và đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- Giám sát công tác quản lý và sử dụng vốn, việc phân phối lợi nhuận, trích

lập và sử dụng các quỹ.

- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, tình hình thực hiện việc cắt giảm chi phí tại công ty và các đơn vị thành viên theo như kế hoạch đã đăng ký.

- Giám sát việc xử lý và thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn.

- Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát được quy định trên cơ sở tuân thủ những quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và các quy định của pháp luật

- Và các nhiệm vụ khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022. Ban Kiểm soát PVM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, BKS.



Lê Thị Kiều Vân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

1450

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Lê Ngọc Sơn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/11/2021
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2021
Ông Trương Văn Thục	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/5/2021
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/04/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

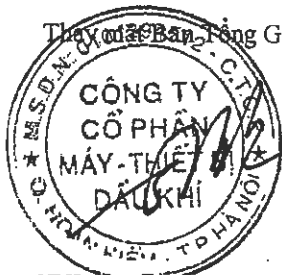
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Số: 250322.016 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		504.553.196.961	411.886.313.887
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	65.377.018.191	65.341.113.376
111	1. Tiền		65.377.018.191	27.341.113.376
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	38.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	131.250.000.000	198.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.980.781.305	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.730.781.305)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		108.000.000.000	198.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		240.391.934.718	75.052.490.040
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	375.265.278.236	262.922.687.217
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.104.906.563	16.347.987.455
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.265.190.113	10.284.669.457
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(163.243.440.194)	(214.502.854.089)
140	IV. Hàng tồn kho	9	62.912.786.461	66.950.682.422
141	1. Hàng tồn kho		65.475.023.002	69.394.343.327
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.562.236.541)	(2.443.660.905)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.621.457.591	6.542.028.049
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		481.790.744	868.678.952
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.860.395.140	5.385.652.959
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	279.271.707	287.696.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		310.202.069.415	294.946.452.052
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.337.313.205	2.764.131.619
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	1.268.440.794
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	12.337.313.205	1.495.690.825
220	II. Tài sản cố định		54.419.332.128	55.369.172.086
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	26.256.326.584	26.838.162.782
222	- Nguyên giá		48.774.932.407	47.704.775.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.518.605.823)	(20.866.612.951)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	28.163.005.544	28.531.009.304
228	- Nguyên giá		29.812.029.564	29.812.029.564
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.649.024.020)	(1.281.020.260)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.545.622.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.763.083.616	149.905.454
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14.763.083.616	149.905.454
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	184.855.673.597	184.879.611.353
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.313.045.976)	(4.289.108.220)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		43.826.666.869	51.783.631.540
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	43.826.666.869	49.718.450.076
269	2. Lợi thế thương mại		-	2.065.181.464
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		814.755.266.376	706.832.765.939

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		315.044.768.597	215.118.106.589
310	I. Nợ ngắn hạn		299.617.340.918	206.714.444.223
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	146.398.374.289	38.914.428.486
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.439.874.790	17.182.729.923
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	350.555.449	1.364.789.786
314	4. Phải trả người lao động		3.076.085.221	6.423.198.951
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		114.777.925	277.948.544
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		957.792.478	1.005.508.387
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.257.429.966	3.778.903.114
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	135.750.688.835	136.146.757.310
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.271.761.965	1.620.179.722
330	II. Nợ dài hạn		15.427.427.679	8.403.662.366
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	465.840.195	465.840.195
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	14.961.587.484	7.937.822.171
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		499.710.497.779	491.714.659.350
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	499.710.497.779	491.714.659.350
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.920.978.074	18.920.978.074
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		69.517.163.125	60.812.198.796
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		15.630.349.710	11.020.704.012
421b	LNST chưa phân phối năm nay		53.886.813.415	49.791.494.784
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		24.886.356.580	25.595.482.480
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		814.755.266.376	706.832.765.939

Trần Thanh Tùng

Hoàng Minh Đức



Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	840.278.711.386	627.918.871.895
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		840.278.711.386	627.918.871.895
11	4. Giá vốn hàng bán	23	804.688.897.307	600.730.208.379
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.589.814.079	27.188.663.516
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	71.022.585.838	94.718.847.665
22	7. Chi phí tài chính	25	7.332.351.879	5.006.346.711
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.266.762.479	4.668.515.140
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	37.352.475.005	35.159.174.296
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	31.399.295.717	48.201.305.521
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.528.277.316	33.540.684.653
31	12. Thu nhập khác	28	24.426.243.962	17.328.927.487
32	13. Chi phí khác	29	759.890.150	111.729.084
40	14. Lợi nhuận khác		23.666.353.812	17.217.198.403
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.194.631.128	50.757.883.056
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	102.308.398	321.195.408
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>54.092.322.730</u>	<u>50.436.687.648</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		53.886.813.415	49.791.494.784
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		205.509.315	645.192.864
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.395	1.289



Trần Thanh Tùng
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

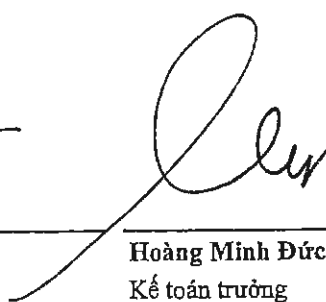
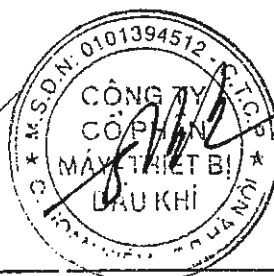
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		54.194.631.128	50.757.883.056
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.905.318.694	4.798.038.625
03	- Các khoản dự phòng		1.873.294.697	(25.555.522.315)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		26.290.260	(12.058.090)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(71.113.436.802)	(94.605.729.883)
06	- Chi phí lãi vay		5.266.762.479	4.668.515.140
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.847.139.544)	(59.948.873.467)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(175.489.250.864)	40.806.691.621
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.919.320.325	16.400.097.469
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		90.177.994.129	2.665.050.338
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.278.671.415	(3.680.133.417)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(24.980.781.305)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.236.895.642)	(4.735.182.370)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(192.492.363)	(352.797.133)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.962.638.058)	(5.603.571.548)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(115.333.211.907)	(14.448.718.507)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.953.960.408)	(683.646.363)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		280.545.455	454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(135.000.000.000)	(190.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		225.000.000.000	145.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		72.943.198.197	95.107.209.584
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		148.269.783.244	49.424.017.766
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		557.258.503.279	391.556.614.848
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(550.630.806.441)	(355.697.930.538)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(39.528.100.180)	(31.858.397.142)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(32.900.403.342)	4.000.287.168
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		36.167.995	38.975.586.427

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		65.341.113.376	26.365.679.982
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(263.180)	(153.033)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	65.377.018.191	65.341.113.376


Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 203 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 214 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

(*) Tuy Công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 05 - 30 năm |

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức hình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.165.964.980	1.963.900.902
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.211.053.211	25.377.212.474
Các khoản tương đương tiền	-	38.000.000.000
	65.377.018.191	65.341.113.376

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	108.000.000.000	-	198.000.000.000	-
	108.000.000.000	-	198.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 465.000 cổ phiếu TCB được Công ty đầu tư với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Giá trị đầu tư là 24.980.781.305 đồng, giá trị hợp lý của khoản đầu tư là 23.250.000.000 đồng, giá trị dự phòng khoản đầu tư này là 1.730.781.305 đồng.

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy thiết bị dầu khí Miền Bắc Việt Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 34,58%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 1.447.257.429 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.455.943.186)	3.621.000.000	(1.432.005.430)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	189.168.719.573	(4.313.045.976)	189.168.719.573	(4.289.108.220)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dừa
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(*) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	-	-	15.381.516.087	(15.381.516.087)
Phải thu khách hàng khác	244.780.758.580	(32.735.435.538)	118.325.092.268	(65.441.768.587)
	<u>375.265.278.236</u>	<u>(163.219.955.194)</u>	<u>264.191.128.011</u>	<u>(211.307.804.330)</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	375.265.278.236	(163.219.955.194)	262.922.687.217	(211.307.804.330)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-	1.268.440.794	-
	<u>375.265.278.236</u>	<u>(163.219.955.194)</u>	<u>264.191.128.011</u>	<u>(211.307.804.330)</u>
c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>191.823.749</u>	<u>-</u>	<u>167.840.000</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phú Thái	-	-	10.635.634.470	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	2.926.200.000	-	2.594.000.000	-
Công ty CP Contech Group	2.503.511.634	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.711.594.929	(23.485.000)	2.154.752.985	(942.380.664)
	<u>8.104.906.563</u>	<u>(23.485.000)</u>	<u>16.347.987.455</u>	<u>(942.380.664)</u>
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>50.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.245.909.589	-	4.356.216.439	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	5.544.171	-	-	-
Tạm ứng (*)	16.356.064.327	-	1.250.912.338	-
Ký cược, ký quỹ	375.752.983	-	376.841.063	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	1.101.028.382	-	1.820.072.100	-
Phải thu khác	180.890.661	-	2.480.627.517	(2.252.669.095)
	<u>20.265.190.113</u>	<u>-</u>	<u>10.284.669.457</u>	<u>(2.252.669.095)</u>
b) Dài hạn				
Tạm ứng (*)	10.277.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.460.313.205	-	1.495.690.825	-
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	600.000.000	-	-	-
	<u>12.337.313.205</u>	<u>-</u>	<u>1.495.690.825</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>9.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>377.983.749</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(*) Khoản tạm ứng chủ yếu cho ban lãnh đạo Công ty phục vụ triển khai các hoạt động kinh doanh, thời hạn hoàn ứng đối với các khoản tạm ứng ngắn hạn và dài hạn lần lượt là 31/12/2022 và 31/12/2023.

(**) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2021/HĐ/MAC-PV giữa Công ty (Bên B) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội (Bên A) về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trên toàn bộ khu đất theo quyết định số 3494/QĐ-UBND về việc "phê duyệt quy hoạch chi tiết khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, tỷ lệ 1/500"

Phương thức hợp tác: hai bên thỏa thuận thực hiện dự án theo hình thức hợp tác đầu tư và phân chia lợi nhuận trên cơ sở không tạo ra pháp nhân mới. Hai bên cùng thống nhất thành lập ban quản lý dự án để trực tiếp thực hiện toàn bộ dự án này và thống nhất cử Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội là chủ đầu tư dự án.

Số dư phải thu tại ngày 31/12/2021 là khoản tạm ứng kinh phí hoạt động cho ban quản lý dự án.

8. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng (1)	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (2)	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO	-	-	15.381.516.087	15.381.516.087
- Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	24.691.829.778	2.701.081.967	60.569.727.586	5.900.553.558
	163.243.440.194	141.252.692.383	214.502.854.089	159.833.680.061

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Giám đốc Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

Theo biên bản họp Ban thu hồi công nợ ngày 20 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ thống nhất đề xuất xử lý tổn thất thực tế tổng số nợ không thu hồi được là 35.172.930.155 đồng và bù đắp 100% bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được sau khi có quyết định xử lý chuyển sang theo dõi hệ thống quản trị của Công ty và Công ty vẫn tiếp tục có các biện pháp để thu hồi các khoản nợ này.

Theo biên bản họp hội đồng xử lý nợ ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty con- Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị Dầu khí Sài Gòn thống nhất đề xuất xử lý tổn thất thực tế tổng số nợ không thu hồi được là 16.796.790.783 đồng và bù đắp 100% bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	540.844.401	-	486.390.859	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.824.604.786	-	17.485.094.651	-
Hàng hoá	49.109.573.815	(2.562.236.541)	51.422.857.817	(2.443.660.905)
	<u>65.475.023.002</u>	<u>(2.562.236.541)</u>	<u>69.394.343.327</u>	<u>(2.443.660.905)</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	13.862.321.694	149.905.454
- Dự án mở rộng Trung tâm bán hàng Đà Nẵng (*)	13.862.321.694	149.905.454
Sửa chữa lớn tài sản cố định	900.761.922	-
- Cải tạo văn phòng số 8 Tràng Thi - Hà Nội	900.761.922	-
	<u>14.763.083.616</u>	<u>149.905.454</u>

(*) Tên dự án " Đầu tư mở rộng Trung Tâm bán hàng tại Đà Nẵng"

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Đà Nẵng
- Mục đích xây dựng: Trung tâm bán hàng
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Máy thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay
- Tổng mức đầu tư: 15.688.000.000 VND
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Tháng 11/2020 và Tháng 01/2022.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2021: Đến thời điểm 31/12/2021 dự án đã hoàn thành cơ bản và đang chờ nghiệm thu hạng mục phòng cháy chữa cháy và dự kiến trong tháng 1/2022 sẽ đưa dự án vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.000.387.521	1.726.055.308	7.657.788.085	1.320.544.819	47.704.775.733
- Mua trong năm	1.765.215.454	-	-	125.081.818	1.890.297.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(696.269.980)	(123.870.618)	(820.140.598)
Số dư cuối năm	38.765.602.975	1.726.055.308	6.961.518.105	1.321.756.019	48.774.932.407
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.935.688.133	576.366.513	6.630.356.162	724.202.143	20.866.612.951
- Khấu hao trong năm	1.960.152.682	169.235.532	186.623.376	156.121.880	2.472.133.470
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(696.269.980)	(123.870.618)	(820.140.598)
Số dư cuối năm	14.895.840.815	745.602.045	6.120.709.558	756.453.405	22.518.605.823
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	24.064.699.388	1.149.688.795	1.027.431.923	596.342.676	26.838.162.782
Tại ngày cuối năm	23.869.762.160	980.453.263	840.808.547	565.302.614	26.256.326.584

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.037.853.748 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.585.800.348 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	29.200.784.564	611.245.000	29.812.029.564
Số dư cuối năm	<u>29.200.784.564</u>	<u>611.245.000</u>	<u>29.812.029.564</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	702.807.523	578.212.737	1.281.020.260
- Khấu hao trong năm	351.403.764	16.599.996	368.003.760
Số dư cuối năm	<u>1.054.211.287</u>	<u>594.812.733</u>	<u>1.649.024.020</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	28.497.977.041	33.032.263	28.531.009.304
Tại ngày cuối năm	<u>28.146.573.277</u>	<u>16.432.267</u>	<u>28.163.005.544</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.884.108.996 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 548.245.000 đồng.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m², sử dụng làm mặt bằng kinh doanh;
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m², sử dụng làm văn phòng Công ty.
- Khu đất tại địa chỉ số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với diện tích 137,4m².
- Khu đất tại địa chỉ số 12, tờ bản đồ số 48 GCNQSD số BU 367691 tại tổ 27, Phường Vĩnh Diệm, Q. Lê Chân - Hải phòng với diện tích 92,4 m².

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m² đất tại Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.830.043	501.185.410
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	127.045.769	2.008.038.341
Tiền thuê đất (**)	1.590.000.000	1.800.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	12.854.588.658	16.650.490.549
Chi phí trả trước dài hạn khác	678.268.478	215.801.855
	43.826.666.869	49.718.450.076

(*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 8 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Kể từ năm 2014, Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh do Công ty đang thực hiện các thủ tục bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hằng năm với các cơ quan quản lý Nhà nước.

(**) Thuê đất theo Hợp đồng thuê đất tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2021, đây là số tiền còn lại trả trước cho 05 năm tiếp theo từ năm 2022 đến hết năm 2026.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Phát triển Mê Kông	-	-	5.831.446.807	5.831.446.807
Công ty CP LICOGI13	1.212.538.264	1.212.538.264	4.111.600.504	4.111.600.504
Công ty cổ phần Đại Kim	11.774.400.000	11.774.400.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư TDG	16.424.300.254	16.424.300.254	-	-
Công ty TNHH xây dựng	26.773.821.624	26.773.821.624	-	-
Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	23.879.558.508	23.879.558.508	-	-
Phải trả các đối tượng khác	66.333.755.639	66.333.755.639	28.971.381.175	28.971.381.175
	146.398.374.289	146.398.374.289	38.914.428.486	38.914.428.486

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	8.843.685.200
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ kỹ thuật DTL	-	2.250.741.636
Các đối tượng khác	5.430.074.790	5.078.503.087
	6.439.874.790	17.182.729.923
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	734.621.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	226.029.799	7.186.067.524	7.412.097.323	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	822.314.831	822.314.831	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	143.847.491	132.444.072	105.027.231	192.492.363	143.847.491	44.978.940
Thuế Thu nhập cá nhân	8.848.647	962.283.167	3.262.722.570	3.953.230.488	424.216	263.350.818
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	135.000.000	-	4.372.810.381	4.372.810.381	135.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	14.000.000	14.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	44.032.748	258.840.617	260.647.674	-	42.225.691
	287.696.138	1.364.789.786	16.021.783.154	17.027.593.060	279.271.707	350.555.449

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	233.355.176	147.889.144
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	92.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.930.853.015	2.976.689.195
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.221.775	562.324.775
	3.257.429.966	3.778.903.114
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	465.840.195	465.840.195
	465.840.195	465.840.195

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	133.751.917.310	133.751.917.310	547.195.217.966	547.946.336.441	133.000.798.835	133.000.798.835
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (1)	43.886.978.000	43.886.978.000	-	-	43.886.978.000	43.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (2)	48.574.500.000	48.574.500.000	286.646.289.077	283.485.489.081	51.735.299.996	51.735.299.996
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng	3.400.000.000	3.400.000.000	12.150.000.000	15.550.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (3)	37.890.439.310	37.890.439.310	56.882.111.429	80.220.362.429	14.552.188.310	14.552.188.310
- Ngân hàng TMCP BIDV Chi nhánh Hai Bà Trưng (4)	-	-	22.826.332.529	-	22.826.332.529	22.826.332.529
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội Chi nhánh Đồng Đô	-	-	160.035.318.941	160.035.318.941	-	-
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	-	-	8.655.165.990	8.655.165.990	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.394.840.000	2.394.840.000	2.749.890.000	2.394.840.000	2.749.890.000	2.749.890.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (5)	2.394.840.000	2.394.840.000	2.749.890.000	2.394.840.000	2.749.890.000	2.749.890.000
	<u>136.146.757.310</u>	<u>136.146.757.310</u>	<u>549.945.107.966</u>	<u>550.341.176.441</u>	<u>135.750.688.835</u>	<u>135.750.688.835</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (5)	10.332.662.171	10.332.662.171	9.163.285.313	2.459.470.000	17.036.477.484	17.036.477.484
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽⁶⁾	-	-	900.000.000	225.000.000	675.000.000	675.000.000
	<u>10.332.662.171</u>	<u>10.332.662.171</u>	<u>10.063.285.313</u>	<u>2.684.470.000</u>	<u>17.711.477.484</u>	<u>17.711.477.484</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.394.840.000)	(2.394.840.000)	(2.749.890.000)	(2.394.840.000)	(2.749.890.000)	(2.749.890.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>7.937.822.171</u>	<u>7.937.822.171</u>			<u>14.961.587.484</u>	<u>14.961.587.484</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 (VND)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam Số 26/TDHM-NH/TD11	250.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.	43.886.978.000
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Số 07/2020/VCB-KHDN	80.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Tối đa 3 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;	Cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi.	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.	51.735.299.996
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Công Số 01/2021/HM/204	260.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.	14.552.188.310
4	Ngân hàng TMCP BIDV Chi nhánh Hai Bà Trưng Số 01/2021/339/HBTĐ	120.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	được ghi trên từng giấy nhận nợ;	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.	22.826.332.529

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 (VND)
5	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Các hợp đồng tín dụng	16.770.000.000	6- 8%/năm	36- 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án	Thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 429, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và một số tài sản khác theo các hợp đồng thế chấp	17.036.477.484
6	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Các hợp đồng tín dụng	10.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	36- 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Đầu tư xe ô tô của hãng Mitsubishi để phục vụ hoạt động chạy thử theo chương trình của hãng Mitsubishi Việt Nam;	Các xe ô tô hiện hữu (9 chỗ ngồi trở xuống) nhãn hiệu Mitsubishi, đã có giấy đăng ký xe và thời hạn từ lúc đăng ký xe lần đầu tiên tới lúc giải ngân không quá 3 tháng.	675.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.920.978.074	47.501.287.679	25.733.774.323	478.542.040.076
Lãi trong năm trước	-	-	49.791.494.784	645.192.864	50.436.687.648
Chia cổ tức	-	-	(30.910.880.000)	(632.748.000)	(31.543.628.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	-	-	(5.569.703.667)	(150.736.707)	(5.720.440.374)
Số dư cuối năm trước	386.386.000.000	18.920.978.074	60.812.198.796	25.595.482.480	491.714.659.350
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.920.978.074	60.812.198.796	25.595.482.480	491.714.659.350
Lãi trong năm nay	-	-	53.886.813.415	205.509.315	54.092.322.730
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	(45.111.494.322)	-	(45.111.494.322)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	(70.354.764)	(914.635.215)	(984.989.979)
Số dư cuối năm nay	386.386.000.000	18.920.978.074	69.517.163.125	24.886.356.580	499.710.497.779

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Công ty mẹ và Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại công ty mẹ	Các công ty con phân phối cho	
		Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
	VND	VND	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành	6.472.894.322	70.354.764	70.971.215
Chi trả cổ tức	38.638.600.000	836.336.000	843.664.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0,00%	-	51,58%	199.314.300.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0,00%	-	9,90%	38.269.100.000
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91%	65.351.000.000	0,00%	-
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12%	70.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	64,97%	251.035.000.000	38,51%	148.802.600.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.976.689.195	3.291.458.337
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	39.482.264.000	31.543.628.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	39.482.264.000	31.543.628.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(39.528.100.180)	(31.858.397.142)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(39.528.100.180)	(31.858.397.142)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>2.930.853.015</u>	<u>2.976.689.195</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.920.978.074	18.920.978.074
	<u>18.920.978.074</u>	<u>18.920.978.074</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty mẹ đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m² tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 23.600 m² đất tại thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh, làm trụ sở văn phòng và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

Công ty con- Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ ngày 13/06/2017 tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế với diện tích 5.372 m² để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ đồng.

Công ty con- Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 10 Nguyễn Phúc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với diện tích 15.366 m² có thời hạn đến ngày 30/01/2052 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Công ty con- Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng đang sử dụng diện tích đất 3.241,6 m² tại địa chỉ phường Hiệp Hòa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.947,58	3.234,13

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	65.193.021.617	13.933.607.722

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	783.775.589.738	544.696.854.633
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.905.455.803	56.672.498.436
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.597.665.845	26.549.518.826
	840.278.711.386	627.918.871.895
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	-	45.479.963.691

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	762.135.055.921	531.393.726.880
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.023.637.095	46.737.214.067
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.575.302.342	25.403.872.642
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(45.098.051)	(2.804.605.210)
	804.688.897.307	600.730.208.379

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.014.351.952	11.663.975.730
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.818.539.395	82.941.299.608
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	166.270.291	35.006.414
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	12.058.090
Doanh thu hoạt động tài chính khác	23.424.200	66.507.823
	71.022.585.838	94.718.847.665

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.266.762.479	4.668.515.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	249.202.459	293.093.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	26.290.260	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.754.719.061	44.738.358
Chi phí tài chính khác	35.377.620	-
	7.332.351.879	5.006.346.711
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	24.449.406	-

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.394.198	57.745.246
Chi phí nhân công	9.149.780.146	11.271.774.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.429.645	791.356.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.920.544.888	10.680.932.601
Chi phí khác bằng tiền	20.357.326.128	12.357.365.542
	37.352.475.005	35.159.174.296

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	435.101.431	535.059.106
Chi phí nhân công	14.535.231.084	20.581.422.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.710.283	277.606.986
Thuế, phí, lệ phí	23.364.617	154.182.806
Chi phí dự phòng	-	1.004.078.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.108.594.376	12.057.068.525
Lợi thế thương mại	2.065.181.464	2.065.181.468
Chi phí khác bằng tiền	1.938.112.462	11.526.705.535
	31.399.295.717	48.201.305.521

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	280.545.455	454.545
Xử lý tài chính nợ phải trả không phải trả	10.900.022.502	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	13.085.618.346	15.695.644.483
Thu nhập khác	160.057.659	1.632.828.459
	24.426.243.962	17.328.927.487

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	740.443.920	-
Chi phí khác	19.446.230	111.729.084
	759.890.150	111.729.084

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Máy thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	102.308.398	321.195.408
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Máy thiết bị Dầu khí Sài Gòn	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	102.308.398	321.195.408

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	53.886.813.415	49.791.494.784
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	53.886.813.415	49.791.494.784
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.638.600	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.395	1.289

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 26 và Thuyết minh số 27.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.377.018.191	-	65.341.113.376	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	407.867.781.554	(163.243.440.194)	275.971.488.293	(213.560.473.425)
Các khoản cho vay	108.000.000.000	-	198.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	24.980.781.305	(1.730.781.305)		
	<u>606.225.581.050</u>	<u>(164.974.221.499)</u>	<u>539.312.601.669</u>	<u>(213.560.473.425)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	150.712.276.319	144.084.579.481
Phải trả người bán, phải trả khác	150.121.644.450	43.159.171.795
Chi phí phải trả	114.777.925	277.948.544
	<u>300.948.698.694</u>	<u>187.521.699.820</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	23.250.000.000	-	-	23.250.000.000
	<u>23.250.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.250.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.377.018.191	-	-	65.377.018.191
Phải thu khách hàng, phải thu khác	232.287.028.155	12.337.313.205	-	244.624.341.360
Các khoản cho vay	108.000.000.000	-	-	108.000.000.000
	<u>405.664.046.346</u>	<u>12.337.313.205</u>	<u>-</u>	<u>418.001.359.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.341.113.376	-	-	65.341.113.376
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.646.883.249	2.764.131.619	-	62.411.014.868
Các khoản cho vay	198.000.000.000	-	-	198.000.000.000
	<u>322.987.996.625</u>	<u>2.764.131.619</u>	<u>-</u>	<u>325.752.128.244</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	135.750.688.835	14.961.587.484	-	150.712.276.319
Phải trả người bán, phải trả khác	149.655.804.255	465.840.195	-	150.121.644.450
Chi phí phải trả	114.777.925	-	-	114.777.925
	<u>285.521.271.015</u>	<u>15.427.427.679</u>	<u>-</u>	<u>300.948.698.694</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	136.146.757.310	7.937.822.171	-	144.084.579.481
Phải trả người bán, phải trả khác	42.693.331.600	465.840.195	-	43.159.171.795
Chi phí phải trả	277.948.544	-	-	277.948.544
	<u>179.118.037.454</u>	<u>8.403.662.366</u>	<u>-</u>	<u>187.521.699.820</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng		-	45.479.963.691
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	3.782.961
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	-	45.476.180.730
Mua hàng hóa, dịch vụ		150.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	150.000.000	-
Các khoản vay		8.655.165.990	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	8.655.165.990	-
Chi phí lãi vay		24.449.406	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	24.449.406	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		191.823.749	167.840.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	191.823.749	167.840.000
Tiền gửi không kỳ hạn		44.744.996	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	44.744.996	-
Phải thu khác		-	23.983.749
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	23.983.749
Tạm ứng		9.000.000.000	354.000.000
Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	3.000.000.000	-
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	3.000.000.000	-
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.000.000.000	354.000.000
Người mua trả tiền trước		-	734.621.000
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	-	734.621.000
Trả trước người bán ngắn hạn		50.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	50.000.000	-

(*) Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty từ ngày 17/03/2021 đến ngày 19/03/2021 và kể từ ngày 20/03/2021, Công ty không còn là công ty con của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

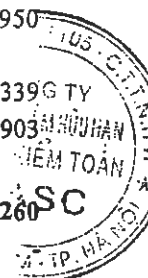
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

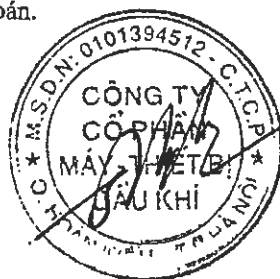
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	911.062.057	744.845.167
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT	122.000.000	22.000.000
Trần Văn Long - Ủy viên HĐQT	44.000.000	-
Vũ Đình Đông- Ủy viên HĐQT	44.000.000	-
Nguyễn Minh Tuấn- Ủy viên HĐQT	701.062.057	704.845.167
Nguyễn Tiến Hải - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)		18.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác	3.971.212.888	5.753.087.074
Phạm Văn Hiệp - Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	893.327.512	861.050.924
Lê Ngọc Sơn - Giám đốc (Miễn nhiệm 27/04/2021)	330.501.887	429.347.005
Nguyễn Đình-Trung - Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/04/2020)	-	389.509.111
Lê Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	688.303.341	690.494.574
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	692.765.838	701.163.315
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc	52.333.287	-
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	-
Trương Văn Thục - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/5/2021)	355.305.962	697.224.953
Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/04/2021)	285.047.712	697.644.950
Bùi Hữu Lạc - Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/11/2020)		632.363.339
Hoàng Minh Đức- Kế toán trưởng	643.627.349	654.288.903
Thu nhập của Ban kiểm soát	372.206.762	691.234.260
Lê Thị Kiều Vân- Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	38.000.000	
Lý Thu Vân- Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	284.206.762	667.234.260
Phạm thị Hải An - Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	26.000.000	-
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Lê Ngọc Sơn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08/11/2021
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/12/2021
Ông Trương Văn Thục	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/5/2021
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/04/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

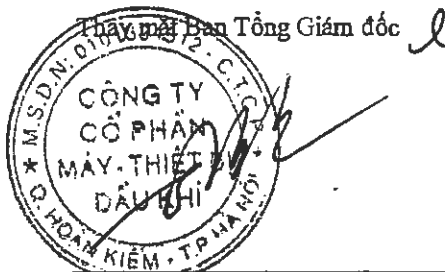
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Số: 250322.015 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		432.187.521.981	333.212.472.451
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	61.633.670.076	55.517.250.501
111	1. Tiền		61.633.670.076	17.517.250.501
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	38.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	131.250.000.000	198.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.980.781.305	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.730.781.305)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		108.000.000.000	198.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		220.518.387.559	58.146.999.699
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	364.954.062.676	233.105.004.818
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.986.914.835	13.374.861.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.506.514.239	14.769.167.268
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167.929.104.191)	(203.102.034.346)
140	IV. Hàng tồn kho	9	16.210.023.592	17.870.671.905
141	1. Hàng tồn kho		16.210.023.592	17.870.671.905
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.575.440.754	3.677.550.346
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	380.913.204	373.802.248
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.935.680.059	3.044.900.607
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	258.847.491	258.847.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		304.950.286.116	300.612.477.615
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.877.000.000	2.268.440.794
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	1.268.440.794
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	11.877.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		16.130.238.446	16.619.197.267
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	979.071.979	1.458.030.804
222	- Nguyên giá		7.953.817.505	8.375.060.851
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.974.745.526)	(6.917.030.047)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.151.166.467	15.161.166.463
228	- Nguyên giá		15.692.599.200	15.692.599.200
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(541.432.733)	(531.432.737)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	-	-
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.545.622.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		900.761.922	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		900.761.922	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	234.483.887.357	234.507.825.113
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.760.303.405)	(35.736.365.649)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		41.558.398.391	47.217.014.441
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	41.558.398.391	47.217.014.441
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		737.137.808.097	633.824.950.066

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		237.272.450.192	140.591.717.634
310	I. Nợ ngắn hạn		237.272.450.192	140.591.717.634
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	143.006.176.625	32.076.195.274
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.982.685.874	13.430.667.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	246.342.102	1.200.907.725
314	4. Phải trả người lao động		2.876.085.221	6.417.299.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		24.774.693	222.965.719
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		774.917.478	876.417.478
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.911.933.770	3.121.217.396
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	81.265.498.839	81.777.417.310
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.184.035.590	1.468.629.326
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		499.865.357.905	493.233.232.432
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	499.865.357.905	493.233.232.432
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.763.147.666	18.763.147.666
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.716.210.239	88.084.084.766
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		42.972.590.444	31.611.529.400
421b	LNST chưa phân phối năm nay		51.743.619.795	56.472.555.366
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		737.137.808.097	633.824.950.066


Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	445.487.855.883	209.386.367.167
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		445.487.855.883	209.386.367.167
11	4. Giá vốn hàng bán	22	433.738.955.826	200.430.032.871
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.748.900.057	8.956.334.296
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	71.854.294.614	95.337.693.067
22	7. Chi phí tài chính	24	3.737.543.189	666.367.446
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.707.331.409	328.535.875
25	8. Chi phí bán hàng	25	7.197.447.007	10.394.498.977
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.419.970.453	36.688.886.538
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.248.234.022	56.544.274.402
31	11. Thu nhập khác	27	6.247.329.694	39.229.555
32	12. Chi phí khác	28	751.943.921	110.948.591
40	13. Lợi nhuận khác		5.495.385.773	(71.719.036)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.743.619.795	56.472.555.366
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		51.743.619.795	56.472.555.366

Trần Thanh Tùng

Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

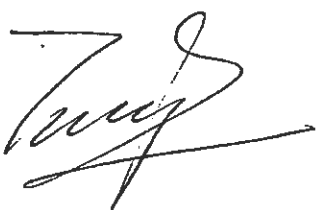
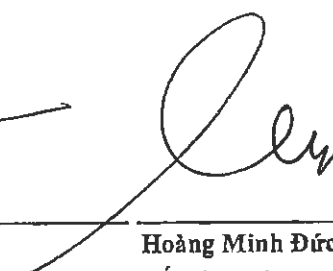
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		51.743.619.795	56.472.555.366
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		312.407.203	317.825.166
03	- Các khoản dự phòng		1.754.719.061	(5.107.993.617)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		26.290.260	(12.058.090)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(71.738.239.415)	(95.224.575.285)
06	- Chi phí lãi vay		1.707.331.409	328.535.875
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(16.193.871.687)	(43.225.710.585)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(172.981.033.368)	22.443.137.901
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.660.648.313	2.384.836.770
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		95.533.858.392	7.350.049.857
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.651.505.094	(4.235.893.900)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(24.980.781.305)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.682.556.716)	(318.570.156)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.757.488.058)	(5.389.871.548)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(117.749.719.335)	(20.992.021.661)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(931.116.467)	(45.900.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		280.545.455	454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(135.000.000.000)	(190.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		225.000.000.000	145.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		73.774.906.973	95.726.054.986
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		163.124.335.961	50.680.609.531
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		248.398.928.889	45.421.315.327
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(248.910.847.360)	(10.530.876.017)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(38.746.015.400)	(31.281.586.107)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(39.257.933.871)	3.608.853.203
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.116.682.755	33.297.441.073

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.517.250.501	22.219.962.461
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(263.180)	(153.033)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>61.633.670.076</u>	<u>55.517.250.501</u>


Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 56 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 57 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có duy nhất một đơn vị trực thuộc là Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 05 - 30 năm |

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và các khoản khác ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.738.610.663	322.608.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.895.059.413	17.194.641.552
Các khoản tương đương tiền	-	38.000.000.000
	<u>61.633.670.076</u>	<u>55.517.250.501</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND		VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	108.000.000.000	-	198.000.000.000	-
	<u>108.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>198.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 465.000 cổ phiếu TCB được Công ty đầu tư với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Giá trị đầu tư là 24.980.781.305 đồng, giá trị hợp lý của khoản đầu tư là 23.250.000.000 đồng, giá trị dự phòng khoản đầu tư này là 1.730.781.305 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.628.213.760	(30.000.000.000)	79.628.213.760	(30.000.000.000)
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(4.313.045.976)	189.168.719.573	(4.289.108.220)
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.455.943.186)	3.621.000.000	(1.432.005.430)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	270.244.190.762	(35.760.303.405)	270.244.190.762	(35.736.365.649)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chỉ phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại máy móc và thiết bị

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 33.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dừa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(*): Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gắn trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí	-	-	15.381.516.087	(15.381.516.087)
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	27.018.815.901	(26.676.411.808)	20.121.771.510	(20.121.805.615)
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Nam Bình Phát	33.735.707.500	-	-	-
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	49.063.586.321	-	-	-
Công ty TNHH VJCO	16.432.421.336	-	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư tổng hợp Hà Nội	32.778.005.260	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	75.441.006.702	(10.744.687.727)	68.385.638.359	(27.364.537.036)
	<u>364.954.062.676</u>	<u>(167.905.619.191)</u>	<u>234.373.445.612</u>	<u>(193.352.378.394)</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	364.954.062.676	(167.905.619.191)	233.105.004.818	(193.352.378.394)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-	1.268.440.794	-
	<u>364.954.062.676</u>	<u>(167.905.619.191)</u>	<u>234.373.445.612</u>	<u>(193.352.378.394)</u>
c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>27.210.639.650</u>	<u>(26.676.411.808)</u>	<u>20.289.611.510</u>	<u>(20.121.805.615)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phú Thái	-	-	10.635.634.470	-
Công ty Cổ phần Contech Group	2.503.511.634	-	-	-
Trả trước người bán khác	1.519.803.201	(23.485.000)	1.775.627.489	(942.380.664)
	<u>4.986.914.835</u>	<u>(23.485.000)</u>	<u>13.374.861.959</u>	<u>(942.380.664)</u>
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>50.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.245.909.589	-	4.356.216.439	-
Tạm ứng (*)	15.739.200.000	-	1.033.200.000	-
Ký cược, ký quỹ	375.752.983	-	376.841.063	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	-	-	6.554.639.724	(6.554.606.193)
Phải thu khác	145.651.667	-	2.448.270.042	(2.252.669.095)
	<u>18.506.514.239</u>	<u>-</u>	<u>14.769.167.268</u>	<u>(8.807.275.288)</u>
b) Dài hạn				
Tạm ứng (*)	10.277.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	600.000.000	-	-	-
	<u>11.877.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	<u>9.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.932.623.473</u>	<u>(6.554.606.193)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(*) Khoản tạm ứng chủ yếu cho ban lãnh đạo Công ty phục vụ triển khai các hoạt động kinh doanh, thời hạn hoàn ứng đối với các khoản tạm ứng ngắn hạn và dài hạn lần lượt là 31/12/2022 và 31/12/2023.

(**) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2021/HĐ/MAC-PV giữa Công ty (Bên B) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội (Bên A) về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trên toàn bộ khu đất theo quyết định số 3494/QĐ-UBND về việc "phê duyệt quy hoạch chi tiết khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, tỷ lệ 1/500"

Phương thức hợp tác: hai bên thỏa thuận thực hiện dự án theo hình thức hợp tác đầu tư và phân chia lợi nhuận trên cơ sở không tạo ra pháp nhân mới. Hai bên cùng thống nhất thành lập ban quản lý dự án để trực tiếp thực hiện toàn bộ dự án này và thống nhất cử Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội là chủ đầu tư dự án.

Số dư phải thu tại ngày 31/12/2021 là khoản tạm ứng kinh phí hoạt động cho ban quản lý dự án.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (1)	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	-	-	15.381.516.087	15.381.516.087
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (2)	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị dầu khí Sài Gòn	26.676.411.808	-	26.676.411.808	-
- Các khoản khác	10.768.172.727	10.768.172.727	30.559.586.795	13.967.644.318
	<u>167.929.104.191</u>	<u>141.252.692.383</u>	<u>203.102.034.346</u>	<u>159.833.680.061</u>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% số dư các khoản nợ xấu kể trên.

(1): Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

Theo biên bản họp Ban thu hồi công nợ ngày 20 tháng 12 năm 2021 thống nhất đề xuất xử lý tồn thất thực tế tổng số nợ không thu hồi được là 35.172.930.155 đồng và bù đắp 100% bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được sau khi có quyết định xử lý chuyển sang theo dõi hệ thống quản trị của Công ty và Công ty vẫn tiếp tục có các biện pháp để thu hồi các khoản nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	366.781.347	-	373.617.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.818.023.880	-	17.471.835.847	-
Hàng hoá	25.218.365	-	25.218.365	-
	16.210.023.592	-	17.870.671.905	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.211.033.146	6.730.534.178	433.493.527	8.375.060.851
- Mua trong năm	-	-	30.354.545	30.354.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	(327.727.273)	(123.870.618)	(451.597.891)
Số dư cuối năm	1.211.033.146	6.402.806.905	339.977.454	7.953.817.505
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.042.536.098	5.470.899.172	403.594.777	6.917.030.047
- Khấu hao trong năm	58.382.364	211.920.296	32.104.547	302.407.207
- Thanh lý, nhượng bán	-	(120.821.110)	(123.870.618)	(244.691.728)
Số dư cuối năm	1.100.918.462	5.561.998.358	311.828.706	6.974.745.526
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	168.497.048	1.259.635.006	29.898.750	1.458.030.804
Tại ngày cuối năm	110.114.684	840.808.547	28.148.748	979.071.979

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.855.149.916 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.144.634.200	547.965.000	15.692.599.200
Số dư cuối năm	15.144.634.200	547.965.000	15.692.599.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	531.432.737	531.432.737
- Khấu hao trong năm	-	9.999.996	9.999.996
Số dư cuối năm	-	541.432.733	541.432.733
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.144.634.200	16.532.263	15.161.166.463
Tại ngày cuối năm	15.144.634.200	6.532.267	15.151.166.467

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 517.965.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại thửa đất số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với diện tích 137,4m²;
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số 12, tờ bản đồ số 48 GCNQSD số BU 367691 tại tổ 27, Phường Vĩnh Diệm, Q. Lê Chân - Hải phòng với diện tích 92,4m².

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m² đất tại Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	25.619.698	19.256.793
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	355.293.506	354.545.455
	380.913.204	373.802.248
b) Dài hạn		
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	127.045.769	2.008.038.341
Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.830.043	15.551.630
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	12.854.588.658	16.650.490.549
	41.558.398.391	47.217.014.441

(*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 8 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Kể từ năm 2014, Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh do Công ty đang thực hiện các thủ tục bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hằng năm với các cơ quan quản lý Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Phát triển	-	-	5.831.446.807	5.831.446.807
Mô Kông				
Công ty Cổ phần LICOGI13	1.212.538.264	1.212.538.264	4.111.600.504	4.111.600.504
Công ty cổ phần Đại Kim	11.774.400.000	11.774.400.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư TDG GLOBAL	16.424.300.254	16.424.300.254	-	-
Công ty TNHH xây dựng TM&DV Bình An	26.773.821.624	26.773.821.624	-	-
Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	23.879.558.508	23.879.558.508	-	-
Phải trả các đối tượng khác	62.941.557.975	62.941.557.975	22.133.147.963	22.133.147.963
	<u>143.006.176.625</u>	<u>143.006.176.625</u>	<u>32.076.195.274</u>	<u>32.076.195.274</u>

b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

<u>130.147.763</u>	<u>130.147.763</u>	<u>4.399.999</u>	<u>4.399.999</u>
--------------------	--------------------	------------------	------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	8.843.685.200
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ kỹ thuật DTL	-	2.250.741.636
Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Quảng Ninh	1.840.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	132.885.874	1.326.440.736
	<u>2.982.685.874</u>	<u>13.430.667.572</u>
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	<u>-</u>	<u>734.621.000</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	226.029.799	6.896.771.547	7.122.801.346	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	822.314.831	822.314.831	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491	-	-	-	123.847.491	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	930.845.178	2.876.400.359	3.603.129.126	-	204.116.411
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	135.000.000	-	3.613.857.281	3.613.857.281	135.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	44.032.748	6.360.617	8.167.674	-	42.225.691
	258.847.491	1.200.907.725	14.220.704.635	15.175.270.258	258.847.491	246.342.102

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	183.443.065	114.628.291
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	92.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.635.268.930	2.742.684.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	73.221.775	171.904.775
	2.911.933.770	3.121.217.396

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (1)	43.886.978.000	43.886.978.000	-	-	43.886.978.000	43.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (2)	37.890.439.310	37.890.439.310	56.882.111.429	80.220.362.429	14.552.188.310	14.552.188.310
- Ngân hàng TMCP BIDV Chi nhánh Hai Bà Trưng (3)	-	-	22.826.332.529	-	22.826.332.529	22.826.332.529
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội Chi nhánh Đồng Đa	-	-	160.035.318.941	160.035.318.941	-	-
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	-	-	8.655.165.990	8.655.165.990	-	-
	<u>81.777.417.310</u>	<u>81.777.417.310</u>	<u>248.398.928.889</u>	<u>248.910.847.360</u>	<u>81.265.498.839</u>	<u>81.265.498.839</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCDK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán.
- + Lãi suất cho vay: Chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tuy nhiên, ngân hàng không xác nhận có khoản lãi vay nào liên quan;
- + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2021: 43.886.978.000 đồng;
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (Số dư tại 31/12/2020 là 43.886.978.000 đồng).

(2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2021/HM/204 ngày 13/10/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 260 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2021: 14.552.188.310 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo theo các biện pháp bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng;

(3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/339/HĐTD ngày 23/9/2021, với các điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 120 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng lần vay, tại thời điểm 31/12/2021 là 5,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2021: 22.826.332.529 đồng;
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Các hợp đồng thế chấp/ cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh của bên vay/ bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	67.942.685.650	473.091.833.316
Lãi trong năm trước	-	-	56.472.555.366	56.472.555.366
Phân phối lợi nhuận	-	-	(36.331.156.250)	(36.331.156.250)
Số dư cuối năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	88.084.084.766	493.233.232.432
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	88.084.084.766	493.233.232.432
Lãi trong năm nay	-	-	51.743.619.795	51.743.619.795
Phân phối lợi nhuận	-	-	(45.111.494.322)	(45.111.494.322)
Số dư cuối năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	94.716.210.239	499.865.357.905

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 0082/NQ/MTB-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng	6.472.894.322
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	38.638.600.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0,00%	-	51,58%	199.314.300.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0,00%	-	9,90%	38.269.100.000
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91%	65.351.000.000	0,00%	-
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12%	70.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	64,97%	251.035.000.000	38,52%	148.802.600.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.742.684.330	3.113.390.437
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	38.638.600.000	30.910.880.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	38.638.600.000	30.910.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(38.746.015.400)	(31.281.586.107)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(38.746.015.400)	(31.281.586.107)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	2.635.268.930	2.742.684.330

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.763.147.666	18.763.147.666
	18.763.147.666	18.763.147.666

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m² tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 23.600 m² đất tại thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh, làm trụ sở văn phòng và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	985,58	1.193,48

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	49.106.537.877	13.933.607.722

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	411.542.289.732	154.076.243.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.347.900.306	28.760.605.248
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.597.665.845	26.549.518.826
	<u>445.487.855.883</u>	<u>209.386.367.167</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>1.571.264.712</u>	<u>47.296.678.363</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	404.738.562.787	149.763.079.431
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.425.090.697	25.263.080.798
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.575.302.342	25.403.872.642
	<u>433.738.955.826</u>	<u>200.430.032.871</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.009.724.728	11.655.569.132
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.654.875.395	83.568.551.608
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	166.270.291	35.006.414
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	12.058.090
Doanh thu hoạt động tài chính khác	23.424.200	66.507.823
	<u>71.854.294.614</u>	<u>95.337.693.067</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>836.336.000</u>	<u>627.252.000</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.707.331.409	328.535.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	249.202.459	293.093.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	26.290.260	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.754.719.061	44.738.358
	<u>3.737.543.189</u>	<u>666.367.446</u>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>24.449.406</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.394.198	57.745.246
Chi phí nhân công	4.061.308.621	6.331.405.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.172.571.255	2.964.604.346
Chi phí khác bằng tiền	932.172.933	1.040.744.056
	<u>7.197.447.007</u>	<u>10.394.498.977</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	435.101.431	534.259.106
Chi phí nhân công	12.218.292.856	18.423.071.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.407.203	317.825.166
Thuế, phí, lệ phí	20.364.617	124.854.264
Chi phí dự phòng	-	(5.152.731.975)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.921.306.873	11.542.864.872
Chi phí khác bằng tiền	1.512.497.473	10.898.743.872
	<u>26.419.970.453</u>	<u>36.688.886.538</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	73.639.292	454.545
Xử lý tài chính nợ phải trả không phải trả (*)	6.032.826.765	-
Thu nhập khác	140.863.637	38.775.010
	<u>6.247.329.694</u>	<u>39.229.555</u>

(*) Theo biên bản họp ban thu hồi công nợ ngày 20 tháng 12 năm 2021 kết luận xử lý các khoản nợ phải trả lâu ngày không ai đòi số tiền 6.032.826.765 đồng. Trong đó, bao gồm 135.347.162 đồng phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa, 5.897.479.603 đồng phát sinh chủ yếu trong giai đoạn 2010-2012 và đa số nhận kế thừa từ Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị dầu khí Việt Nam đã giải thể.

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	740.443.920	110.908.600
Chi phí khác	11.500.001	39.991
	<u>751.943.921</u>	<u>110.948.591</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.743.619.795	56.472.555.366
Các khoản điều chỉnh giảm	(59.654.875.395)	(83.568.551.608)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(59.654.875.395)	(83.568.551.608)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(7.911.255.600)	(27.095.996.242)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 26.

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán				
31/12/2021		01/01/2021		
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.633.670.076	-	55.517.250.501	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	395.337.576.915	(167.905.619.191)	250.142.612.880	(202.159.653.682)
Các khoản cho vay	108.000.000.000	-	198.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	24.980.781.305	(1.730.781.305)	-	-
	<u>589.952.028.296</u>	<u>(169.636.400.496)</u>	<u>503.659.863.381</u>	<u>(202.159.653.682)</u>

Giá trị sổ kế toán		
31/12/2021		01/01/2021
VND		VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	81.265.498.839	81.777.417.310
Phải trả người bán, phải trả khác	145.918.110.395	35.197.412.670
Chi phí phải trả	24.774.693	222.965.719
	<u>227.208.383.927</u>	<u>117.197.795.699</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	23.250.000.000	-	-	23.250.000.000
	<u>23.250.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.250.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền ghi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.633.670.076	-	-	61.633.670.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	215.554.957.724	11.877.000.000	-	227.431.957.724
Các khoản cho vay	108.000.000.000	-	-	108.000.000.000
	<u>385.188.627.800</u>	<u>11.877.000.000</u>	<u>-</u>	<u>397.065.627.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.517.250.501	-	-	55.517.250.501
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.714.518.404	2.268.440.794	-	47.982.959.198
Các khoản cho vay	198.000.000.000	-	-	198.000.000.000
	<u>299.231.768.905</u>	<u>2.268.440.794</u>	<u>-</u>	<u>301.500.209.699</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	81.265.498.839	-	-	81.265.498.839
Phải trả người bán, phải trả khác	145.918.110.395	-	-	145.918.110.395
Chi phí phải trả	24.774.693	-	-	24.774.693
	<u>227.208.383.927</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>227.208.383.927</u>

Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	81.777.417.310	-	-	81.777.417.310
Phải trả người bán, phải trả khác	35.197.412.670	-	-	35.197.412.670
Chi phí phải trả	222.965.719	-	-	222.965.719
	<u>117.197.795.699</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>117.197.795.699</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng		1.571.264.712	47.296.678.363
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	3.782.961
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	1.571.264.712	1.816.714.672
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (*)	Công ty mẹ	-	45.476.180.730
Mua hàng hóa, dịch vụ		760.386.652	726.489.734
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	610.386.652	726.489.734
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	150.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		836.336.000	627.252.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	836.336.000	627.252.000
Các khoản vay		8.655.165.990	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	8.655.165.990	-
Chi phí lãi vay		24.449.406	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	24.449.406	-

Sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng		27.210.639.650	20.289.611.510
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	27.018.815.901	20.121.771.510
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	191.823.749	167.840.000
Tiền gửi không kỳ hạn		44.744.996	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	44.744.996	-
Phải thu khác		-	6.578.623.473
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	-	6.554.639.724
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	23.983.749
Tạm ứng		9.000.000.000	354.000.000
Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	3.000.000.000	-
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	3.000.000.000	-
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.000.000.000	354.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải trả người bán		130.147.763	4.399.999
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	130.147.763	4.399.999
Người mua trả tiền trước		-	734.621.000
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (*)	Công ty mẹ	-	734.621.000
Trả trước cho người bán		50.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	50.000.000	-

(*) Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty từ ngày 17/03/2021 đến ngày 19/03/2021 và kể từ ngày 20/03/2021, Công ty không còn là công ty con của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	911.062.057	744.845.167
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT	122.000.000	22.000.000
Trần Văn Long - Ủy viên HĐQT	44.000.000	-
Vũ Đình Đông- Ủy viên HĐQT	44.000.000	-
Nguyễn Minh Tuấn- Ủy viên HĐQT	701.062.057	704.845.167
Nguyễn Tiến Hải - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)		18.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác	3.971.212.888	5.753.087.074
Phạm Văn Hiệp -Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021)	893.327.512	861.050.924
Lê Ngọc Sơn - Giám đốc (Miễn nhiệm 27/04/2021)	330.501.887	429.347.005
Nguyễn Đình Trung - Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/04/2020)	-	389.509.111
Lê Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	688.303.341	690.494.574
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	692.765.838	701.163.315
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc	52.333.287	-
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	-
Trương Văn Thục - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/5/2021)	355.305.962	697.224.953
Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/04/2021)	285.047.712	697.644.950
Bùi Hữu Lạc - Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/11/2020)		632.363.339
Hoàng Minh Đức- Kế toán trưởng	643.627.349	654.288.903
Thu nhập của Ban kiểm soát	372.206.762	691.234.260
Lê Thị Kiều Vân- Trưởng ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021)	38.000.000	-
Lý Thu Vân- Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	284.206.762	667.234.260
Phạm thị Hải An - Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021)	26.000.000	-
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm.

- Cung cấp vật tư cho các nhà máy điện, dự án, công trình dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, các đơn vị thành viên và các nhà máy điện khác.
- Triển khai định hướng phát triển thương mại, phân phối nội khối cho các dự án của Tập đoàn T&T và các đơn vị thành viên. Xây dựng hệ thống đại lý phân phối sản phẩm cho các hãng có uy tín trong lĩnh vực vật tư, thiết bị, đặc biệt là vật tư, thiết bị ngành điện như Siemens, Điện cơ Thống Nhất...tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam (FDI).
- Triển khai đẩy mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ, các ngành hàng là thế mạnh và phù hợp với năng lực của Công ty để tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.
- Mở rộng hợp tác đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, cụm công nghiệp, các dự án nhà máy xử lý rác thải và cung cấp nước sinh hoạt, dự án điện gió và năng lượng tái tạo... nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.
- Phát triển lĩnh vực vận tải, logistics, vận tải đường sông, vận tải đường biển.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.200,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	635,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	60,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	55,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	57,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	55,00
4	Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, Đầu tư mua sắm trang thiết bị	Nt	10,94

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Đức Tiến

TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000
II	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty mẹ (=2.1 + 2.2)	94.716.210.239
2.1	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2020	42.972.590.444
2.2	LNST chưa phân phối năm 2021	51.743.619.795
III	Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021	31.547.020.000
3.1	Quỹ khen thưởng	500.000.000
3.2	Quỹ phúc lợi	2.500.000.000
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành	1.500.000.000
3.4	Chi trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 7%)	27.047.020.000
IV	Lợi nhuận năm 2021 còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (=2.2 - III)	20.196.599.795
V	Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (= II - III)	63.169.190.239

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Đức Tiến

Số: **0 1 1 4** MTB - BKS

Hà Nội, ngày **19** tháng **4** năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán
báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Luật chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Để thực hiện Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xin đề xuất với Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Phương án lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm 2022 như sau:

1. Đơn vị kiểm toán độc lập được Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí lựa chọn phải nằm trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Cơ quan Quản lý nhà nước liên quan chấp thuận;

2. Là đơn vị Kiểm toán có uy tín, có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí yêu cầu.

Với các tiêu chí trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí như sau:

1. Thông qua việc lựa chọn một trong ba Công ty Kiểm toán độc lập được thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2022 bao gồm các Công ty:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong ba Công ty nêu trên để kiểm toán Báo cáo Tài chính, bãi miễn Kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Kiều Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số: 0029/MTB - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ
Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 790874/20 ngày 18/12/2020 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị Quyết số 0024/NQ/MTB-HĐQT ngày 24/3/2022 thông qua việc điều chỉnh bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (Chi tiết nội dung theo bảng đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Đức Tiến

BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

(Kèm theo tờ trình số: 2023 /MTB - HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2022)

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản thịt; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	1010	
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản khác	1020	
3	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn thủy sản	4632	
4	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012	
5	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220	
6	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	
7	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	
8	Đúc kim loại màu	2432	
9	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513	
10	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591	
11	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
12	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593	
13	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân công vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599	
14	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	
15	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620	
16	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630	
17	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640	
18	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm định, định hướng và điều khiển	2651	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
19	Sản xuất đồng hồ	2652	
20	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất mô tơ, máy phát; Sản xuất biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.	2710	
21	Sản xuất pin và ắc quy	2720	
22	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731	
23	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733	
24	Sản xuất thiết bị điện khác	2790	
25	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bat, ô tô, mô tô và xe máy)	2811	
26	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813	
27	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và chuyển động	2814	
28	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815	
29	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816	
30	Sản xuất máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817	
31	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818	
32	Sản xuất máy thông dụng khác	2819	
33	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821	
34	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822	
35	Sản xuất máy luyện kim	2823	
36	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824	
37	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825	
38	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826	
39	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829	
40	Sản xuất điện: Chi tiết: Thủy điện, nhiệt điện than; nhiệt điện khí; điện gió; điện mặt trời; điện khác (điện rác).	3511	
41	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
42	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
43	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
44	Thu gom rác thải độc hại	3812	
45	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
46	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822	
47	Tái chế phế liệu	3830	
48	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
49	Phá dỡ	4311	
50	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
51	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy	4329	bổ sung chi tiết mã ngành
52	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
53	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản nguyên liệu; bán buôn cây giống	4620	
54	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn xe máy điện, xe đạp điện, bán buôn pin và ác quy cho xe đạp điện; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn các đồ dùng khác cho gia đình.	4649	bổ sung chi tiết mã ngành
55	Kinh doanh, bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661	
56	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy phân bón, thuốc trừ sâu; sản phẩm nông hóa.	4669	bổ sung chi tiết mã ngành
57	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thiết bị phòng cháy, chữa cháy - Bán lẻ thùng đựng rác - Bán lẻ nông sản nguyên liệu	4773	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cây giống - Bán lẻ phân bón, sản phẩm nông hóa. 		
58	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011	
59	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	
60	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
61	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
62	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222	
63	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.</p>	8299	
64	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. <p>(không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)</p>	6820	<p>Điều 60,62,68, 69,74,75</p> <p>Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014</p>
65	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721	
66	<p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh 	4752	

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty do bổ sung ngành nghề kinh doanh trên.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
1	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	Điều 7 - Luật số 3/2022/QH15 ngày 11/1/2022
2	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p> <p>Điểm a Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>Điểm b Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p> <p>Điểm a Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>Điểm b Khoản 6: Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến</p>	Khoản 2 Điều 167 Luật DN

	<p>12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p>	<p>giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p>	
3	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 mục 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày/04/2022 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.</p> <p>3....</p> <p>4....</p> <p>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật</p>	<p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

TỜ TRÌNH

Về việc niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM) như sau:

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết
- Địa điểm niêm yết: Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
- Thời gian niêm yết cổ phiếu: Năm 2022

Cùng với đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung công việc sau:

- Triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty;
- Quyết định thay đổi và lựa chọn địa điểm niêm yết để phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện, tình hình thực tế tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết;

- Các nội dung công việc khác để đảm bảo thực hiện thành công việc
niêm yết cổ phiếu của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Đức Tiến

Số: **0 0 3 1**/MTB-HĐQT

Hà Nội, ngày **19** tháng **4** năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021
và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;
Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS được ĐHĐCĐ phê chuẩn;
Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2022;
Căn cứ yêu cầu về công tác quản trị và giám sát trong năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và phương án chi trả năm 2022 như sau:

1. Về việc chi thù lao năm 2021

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua quyết toán thù lao năm 2021 cho HĐQT và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm như sau:

- Cơ cấu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát gồm: 05 (năm) Thành viên HĐQT, 03 (ba) Thành viên BKS;

- Thù lao đã chi của Hội đồng quản trị: 124.000.000 đồng.

- Thù lao đã chi của Ban kiểm soát: 72.000.000 đồng.

2. Kế hoạch chi thù lao năm 2022

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn mức chi thù lao kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Thù ký Hội đồng quản trị năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế và không thấp hơn 1,1 tỷ đồng.

Mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên sẽ giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Vũ Đức Tiến